

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/DS-ST.

Ngày: 09-11-2021.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Ngô Bá Đức**.

+ Ông **Nguyễn Chí Thành**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Nhật Trường** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Diệu** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng A**, trụ sở chính: Số Z, phường B, thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trần Hữu N** - Phó Giám đốc Ngân hàng A - Phòng giao dịch C; địa chỉ: khu phố E, thị trấn G, huyện C, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền số: 35/UQ-PGDMCN ngày 31/12/2020, ông N vắng mặt).

- Bị đơn:

+ Ông **Trần Văn S** - Sinh năm: 1965, địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

+ Bà **Trần Thị L** - Sinh năm: 1968, địa chỉ liên lạc: Ấp K, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 12 năm 2020, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08 tháng 5 năm 2017, Ngân hàng A - Chi nhánh U - Phòng giao dịch C có cho ông Trần Văn S và bà Trần Thị L vay số tiền là 110.000.000VNĐ (một trăm mười triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số: 032/17/HĐTD/0303-6514, thời hạn vay là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tiếp theo sau ngày giải ngân đầu tiên (ngày 10 tháng 5 năm 2017), lãi suất cho vay là 12,60%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Ông S, bà L có thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với phần đất có diện tích 3119,3m² thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị L vào ngày 10 tháng 02 năm 2015 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 032/17/HĐTC-BĐS/0303-6514 ngày 08 tháng 5 năm 2017 giữa Ngân hàng A - Chi nhánh U - Phòng giao dịch C với ông Trần Văn S, bà Trần Thị L.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông S, bà L có trả được 34.661.715VNĐ (ba mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn bảy trăm mười lăm đồng) tiền lãi, từ ngày 02 tháng 4 năm 2019 đến nay thì không có trả tiền lãi nữa, chưa trả được khoản nợ gốc nào. Do ông S, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng A yêu cầu ông S, bà L phải trả số nợ gốc là 110.000.000VNĐ (một trăm mười triệu đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày 09 tháng 11 năm 2021 là 54.281.836VNĐ (năm mươi bốn triệu hai trăm tám mươi một ngàn tám trăm ba mươi sáu đồng) và yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2021 cho đến khi trả hết nợ với mức lãi suất đã được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 032/17/HĐTD/0303-6514 ngày 08 tháng 5 năm 2017 được ký kết giữa Ngân hàng A - Chi nhánh U - Phòng giao dịch C với ông Trần Văn S, bà Trần Thị L.

Trong trường hợp ông S, bà L không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất có diện tích 3119,3m² thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp K, xã L huyện C, tỉnh Bến Tre để thanh toán nợ cho Ngân hàng A.

Bị đơn là ông Trần Văn S, bà Trần Thị L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Tại Tờ tường trình ngày 22 tháng 10 năm 2021, bà Trần Thị L trình bày: Bà có vay của Ngân hàng A - Chi nhánh U - Phòng giao dịch C số tiền là

110.000.000VNĐ (một trăm mười triệu đồng) để chăn nuôi heo và có thể chấp quyền sử dụng đất đối với 3119m² đất để vay tiền. Tổng cộng khoản tiền lãi và tiền trong tài khoản bà mở tại Ngân hàng A - Chi nhánh U - Phòng giao dịch C là 34.400.000VNĐ (ba mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng). Do việc chăn nuôi bị thua lỗ, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà chưa trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Riêng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71, 85, 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá lời trình bày của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 317, 319, 320, 321, 322, 323, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, các điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông S và bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A số nợ gốc là 110.000.000VNĐ (một trăm mười triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 09 tháng 11 năm 2021 là 54.281.836VNĐ (năm mươi bốn triệu hai trăm tám mươi một ngàn tám trăm ba mươi sáu đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2021 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp, ông S, bà L không trả hết được nợ thì xử lý tài sản thế chấp là 3119,3m² đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre để thanh toán nợ cho Ngân hàng A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Đây là vụ kiện về: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, hợp đồng được thực hiện tại Ngân hàng A - Chi nhánh U - Phòng giao dịch C có địa chỉ tại khu phố E, thị trấn G, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 26, 35, 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Trần Văn S, bà Trần Thị L vắng mặt trong giai đoạn hòa giải, đồng thời người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông S, bà L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông S, bà L là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Lời trình bày của nguyên đơn về thời gian ký kết hợp đồng tín dụng, về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất cho vay là phù hợp với nội dung của Hợp đồng tín dụng số: 032/17/HĐTD/0303-6514 ngày 08 tháng 5 năm 2017. Bị đơn cũng thừa nhận có vay số nợ gốc là 110.000.000VNĐ (một trăm mười triệu đồng) nhưng do việc chăn nuôi bị thua lỗ và do dịch bệnh nên mới không thể trả nợ đúng hạn cho nguyên đơn. Bà L cho rằng từ khi vay tiền cho đến nay thì tổng cộng bà có giao cho nguyên đơn số tiền là 34.400.000VNĐ (ba mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng), nhưng nguyên đơn lại thừa nhận có nhận của bà L tổng số tiền lãi là 34.661.715VNĐ (ba mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn bảy trăm mười lăm đồng), sự thừa nhận này của nguyên đơn là phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên xác định số tiền lãi mà bị đơn đã nộp là 34.661.715VNĐ (ba mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn bảy trăm mười lăm đồng). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nội dung của Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Việc thế chấp tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 032/17/HĐTC-BDS/0303-6514 ngày 08 tháng 5 năm 2017 là phù hợp với quy định của pháp luật nên trong trường hợp bị đơn không trả được các khoản nợ trên cho nguyên đơn thì xử lý tài sản thế chấp là 3119,3m² đất và tài sản trên đất (cây trồng, nhà, công trình phụ, chuồng trại,...) thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre (do bà Trần Thị L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) để thanh toán nợ cho nguyên đơn.

[5] Về xử lý tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ: Tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 200.000đồng (hai trăm ngàn đồng), số tiền này nguyên đơn đã nộp đủ. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền này cho nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Ông S, bà L phải liên đới chịu án

phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn. Cụ thể được tính như sau: $(110.000.000\text{VNĐ} + 54.281.836\text{VNĐ}) \times 5\% = 8.214.000\text{VNĐ}$ (tám triệu hai trăm mười bốn ngàn đồng). Tuy nhiên, bà L là thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ nên bà L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với phần của bà phải nộp là 4.107.000VNĐ (bốn triệu một trăm lẻ bảy ngàn đồng). Như vậy, ông S, bà L còn phải liên đới nộp 4.107.000VNĐ (bốn triệu một trăm lẻ bảy ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 320, 321, 322, 323, 466, 468 và Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; các điều 5, 147, 157, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1/ Buộc ông Trần Văn S và bà Trần Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A số nợ gốc là 110.000.000.000VNĐ (một trăm mười triệu đồng) và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 09 tháng 11 năm 2021 là 54.281.836VNĐ (năm mươi bốn triệu hai trăm tám mươi một ngàn tám trăm ba mươi sáu đồng).

2/ Kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2021 cho đến khi trả hết nợ, ông Trần Văn S, bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 032/17/HĐTD/0303-6514 ngày 08 tháng 5 năm 2017 được ký kết giữa Ngân hàng A - Chi nhánh U - Phòng giao dịch C với ông Trần Văn S, bà Trần Thị L.

3/ Trường hợp ông Trần Văn S, bà Trần Thị L không trả hết được các khoản tiền cho Ngân hàng A thì xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (cây trồng, nhà, công trình phụ, chuồng trại,...) đối với phần đất có diện tích 3119,3m² thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp K, xã L huyện C, tỉnh Bến Tre (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp cho bà Trần Thị L vào ngày 10 tháng 02 năm 2015) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 032/17/HĐTC-BĐS/0303-6514 ngày 08 tháng 5 năm 2017 giữa Ngân hàng A - Chi nhánh U - Phòng giao dịch C với ông Trần Văn S, bà Trần Thị L để thanh toán nợ cho Ngân hàng A.

4/ Buộc ông Trần Văn S, bà Trần Thị L có nghĩa vụ liên đới trả lại cho Ngân hàng A 200.000đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1) Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 3.623.000VNĐ (ba triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005865 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

5.2) Ông Trần Văn S và bà Trần Thị L có nghĩa vụ liên đới chịu 8.214.000VNĐ (tám triệu hai trăm mười bốn ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà Trần Thị L được miễn nộp 4.107.000VNĐ (bốn triệu một trăm lẻ bảy ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Như vậy, buộc ông Trần Văn S, bà Trần Thị L có nghĩa vụ liên đới nộp 4.107.000VNĐ (bốn triệu một trăm lẻ bảy ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

7/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên

Nguyễn Văn Nguyên